

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số. 03./2026/VBHN-QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 98./2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá;



Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.¹

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành²

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...05...tháng...11...năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 87/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này bãi bỏ số thứ tự thứ 3 Phụ lục Ib Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mới ban hành kèm theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực giá - công sản và tài chính đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

¹ Quyết định số...98.../2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 163/2025/NĐ-CP, Nghị định số 16/2026/NĐ-CP, Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.”.

² Điều 3 của Quyết định số...98.../2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng...11...năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày...05...tháng...11...năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND thành phố (để đăng Công báo);
- Sở Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và phát thanh, truyền hình (để đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTNS, (.....b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Hà





QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND)

...

Điều 13. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

1. Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá được quy định như sau:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng³ hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁴ hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá được quy định như sau:

Đối với các hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁵ hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁶ hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁷ hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

³ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

⁴ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

⁵ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

⁶ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

⁷ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

a) Việc lựa chọn phải phù hợp với căn cứ, nguyên tắc định giá hàng hóa, dịch vụ tại Luật Giá, tính chất hàng hóa, dịch vụ, mục tiêu định giá và hình thức định giá hàng hóa, dịch vụ.

b) Lựa chọn trong các tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁸ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

c) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn phải xác định rõ việc thực hiện định giá chung cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thực hiện định giá cho từng tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Trường hợp thực hiện định giá chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện: Trường hợp có từ 03 tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng⁹ hàng hóa, dịch vụ trở xuống thì yêu cầu tất cả tổ chức, cá nhân lập phương án giá. Trường hợp có nhiều hơn 03 tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng¹⁰ hàng hóa, dịch vụ thì số lượng tổ chức, cá nhân được lựa chọn phù hợp với thực tế thị trường theo các tiêu chí doanh thu, thị phần và các tiêu chí khác về đặc thù ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, nhưng tối thiểu phải lựa chọn từ 03 tổ chức, cá nhân trở lên.

Trường hợp thực hiện định giá cho từng tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng¹¹ hàng hóa, dịch vụ: Từng tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng¹² hàng hóa, dịch vụ phải lập phương án giá.

d) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn bảo đảm khách quan, minh bạch, chịu trách nhiệm về việc tham mưu, đề xuất lựa chọn của mình.

đ) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng¹³ hàng hóa, dịch vụ khác có quyền lập phương án giá để gửi cơ quan có thẩm quyền định giá xem xét, phục vụ việc định giá.

4. Đối với các hàng hóa, dịch vụ có quy định thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể theo quy định của Luật số 16/2023/QH15 mà trên địa bàn

⁸ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

⁹ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁰ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹¹ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹² Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹³ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

của tỉnh Đồng Nai không có tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng¹⁴ hàng hóa, dịch vụ thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định không phải thực hiện việc định giá theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 14. Phương án giá hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm các tổ chức, cá nhân lập phương án giá

1. Phương án giá hàng hóa, dịch vụ được lập theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và phải gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng: phương án giá kèm theo văn bản phê duyệt phương thức đặt hàng của cấp có thẩm quyền, dự toán kinh phí đặt hàng.

c) Chứng từ hợp pháp (nếu có);

d) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật có liên quan về phương pháp định giá hoặc về quản lý hàng hóa, dịch vụ theo lĩnh vực của các bộ, ngành (nếu có).

¹⁵2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập phương án giá gửi các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu theo dấu bưu điện và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của các số liệu, dữ liệu trong phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo. Trường hợp phức tạp, tổ chức, cá nhân có quyền gửi văn bản đề nghị kéo dài thời gian lập phương án giá (kèm theo lý do và thuyết minh cụ thể) gửi các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

¹⁶3. Tổ chức, cá nhân lập phương án giá có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về một số nội dung tại phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo.

...

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá và đối tượng thực hiện kê khai giá

¹⁴ Cụm từ ", cung ứng" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁷1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1a, khoản 1b Điều này.

¹⁸1a. Sở Xây dựng rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

¹⁹1b. Sở Công Thương rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

3. Việc ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá) được thực hiện như sau:

²⁰a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, lựa chọn các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá tại địa phương đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn thành phố mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành; có văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này. Việc lựa chọn tổ chức kinh doanh để đưa vào Danh sách kê khai giá căn cứ theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương. Thông tin tại Thông báo danh sách kê khai giá bao gồm tên tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, mã số thuế.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn thành phố để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

b) Thời hạn Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

²⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát; có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định không ban hành Danh sách kê khai giá mới.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng tải Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ hàng năm và Danh sách kê khai giá bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai) trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ thời điểm ban hành Danh sách kê khai giá; đồng thời thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và gửi Bộ Tài chính để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

d)²¹ (*được bãi bỏ*)

4. Đối tượng kê khai giá là tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và có quyền quyết định giá; thuộc danh sách do cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ, có trách nhiệm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá sau khi quyết định giá theo quy định và chịu trách nhiệm về mức giá, nội dung kê khai giá của mình.

...

Điều 32. Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm gửi thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Sở Tài chính để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Sở Tài chính tiếp nhận thông tin do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi đến; thực hiện cập nhật thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và hệ thống tài khoản được Bộ Tài chính cấp.

3. Các thông tin, dữ liệu cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

²¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại địa phương.

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

²²g) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ do cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật số 16/2023/QH15.

4. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 05 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm a, e khoản 3 Điều này.

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu thường xuyên (tối đa sau 07 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu có hiệu lực) đối với các thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

5. Việc cập nhật dữ liệu theo quy định không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

6. Trường hợp đã tổ chức xây dựng tính năng tiếp nhận thông tin kê khai giá trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 25 Quy định này và dữ liệu về kê khai giá tại địa phương đã được kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các xã, phường và Sở Tài chính không phải thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

7. Trường hợp đã tổ chức xây dựng và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương (nếu có) thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các xã, phường và Sở Tài chính không phải thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với các thông tin quy định tại khoản 3 Điều này.

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

Phụ lục II**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI²³***(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
1	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương do mình đầu tư	Sở Xây dựng	
2	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
6	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

²³ Phụ lục II Phân công trách nhiệm thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND được thay thế bởi Phụ lục II Phân công trách nhiệm thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
7	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Nước sạch	Sở Xây dựng chủ trì, cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hai cấp định giá
9	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của sản phẩm, dịch vụ công	
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
11	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
12	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	Sở Y tế	
13	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
14	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của dịch vụ sự	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
	giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	ng nghiệp công	
15	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
16	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
17	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
18	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	
19	Dịch vụ vận chuyển hành khách trên đường sắt địa phương	Sở Xây dựng	
20	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
21	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
22	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
23	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
	nước		
24	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	
25	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
26	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	

Phụ lục III**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ;
PHƯƠNG THỨC TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ; CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐƯỢC PHÂN CÔNG TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ TẠI THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI²⁴***(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		

²⁴ Phụ lục III Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; cách thức tiếp nhận kê khai giá; cơ quan, đơn vị được phân công tiếp nhận kê khai giá tại tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND được thay thế bởi Phụ lục III Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; phương thức tiếp nhận kê khai giá; cơ quan, đơn vị được phân công tiếp nhận kê khai giá tại thành phố Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
1	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương do mình đầu tư	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (trong trường hợp pháp luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố định khung giá, giá tối đa)	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của dịch vụ sự nghiệp công	
7	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
8	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu))	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
10	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng	
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương	
5	Than	Sở Công Thương	
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng	
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng	
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế	
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế	
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế	
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân các xã, phường	
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
7	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	- Sở Công Thương tiếp nhận kê khai giá đối với chợ đầu mối. - UBND các xã, phường tiếp nhận kê khai giá đối với chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3.	